



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom - Happiness

Số/No: 502/MB-HĐQT

V/v: Công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn  
tại ngày 31/12/2024

Re: Information disclosure of capital  
adequacy ratio at 31/12/2024

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2025

Hanoi, 02/06/2025

Kính gửi/To: - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam  
The State Bank of Vietnam  
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
The State Securities Commission;  
- Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam;  
Vietnam Stock Exchange;  
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh  
Hochiminh Stock Exchange;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;  
Hanoi Stock Exchange;

Công ty/Company: Ngân hàng TMCP Quân đội/Military Commercial Joint Stock Bank

Mã chứng khoán/  
Securities symbol MBB

Địa chỉ trụ sở chính/  
Head office address Số 18 Lê Văn Lương, Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
No. 18 Le Van Luong, Cau Giay District, Hanoi

Điện thoại/Telephone: (84-24) - 6266.1088

Fax: (84-24) - 6266.1080

Người thực hiện công bố  
thông tin/ Submitted by: Bà/Mrs. Vũ Thị Hải Phượng

Chức vụ/Position: Phó Chủ tịch HĐQT /  
BOD Vice Chairwoman

Loại thông tin công bố/  
Type of Information ☒ định kỳ/periodic ☐ bất thường/irregular  
☐ 24 giờ/ hours ☐ theo yêu cầu/on demand  
disclosure

Nội dung thông tin công bố: Ngày 02/06/2025, Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB) công bố Báo cáo công bố thông tin tỷ lệ an toàn vốn tại ngày 31/12/2024. Nội dung chi tiết theo file đính kèm.

Content of information disclosure: On 02/06/2025, Military Commercial Joint Stock Bank (MB) has disclosed the report information disclosure of capital adequacy ratio at 31/12/2024. Detailed information is available in the attached file.

Thông tin trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử MB [www.mbbank.com.vn](http://www.mbbank.com.vn) - Mục Nhà đầu tư – Phần Thông báo.

The above information was disclosed on MB website at [www.mbbank.com.vn](http://www.mbbank.com.vn) – Investors Relation - Announcement

Ngân hàng TMCP Quân đội xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*MB declares that all information provided above is true and accurate and we shall take full responsibility before the law for the disclosed information.*

Trân trọng cảm ơn!

*Best Regards!*

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/*As above*;
- HĐQT, BKS(để báo cáo)/  
*BOD, SB (for reporting)*;
- Lưu: VT, VP HĐQT/  
*Archive at Admin Office,*  
*BOD Office*

**PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**  
***BOD VICE CHAIRWOMAN***



**Vũ Thị Hải Phượng**







# **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội**

Báo cáo Công bố thông tin theo Trụ cột 3 Basel II tại ngày 31/12/2024

## I. Phạm vi tính tỷ lệ an toàn vốn

### 1. Nội dung định tính

Tại thời điểm lập báo cáo, MB có 08 công ty con, trong đó có:

- 02 công ty là doanh nghiệp bảo hiểm được loại trừ khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất, gồm: Tổng công ty CP bảo hiểm quân đội (MIC) và Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ MB Ageas Life.
- 01 công ty là ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được loại trừ khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất.

### 2. Nội dung định lượng

Giá trị khoản đầu tư vào công ty con là doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm không được hợp nhất khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất:

STT	Tên công ty con	Giá trị đầu tư (Triệu đồng)
1	CT TNHH bảo hiểm nhân thọ MB Ageas Life	915,000
2	TCT CP bảo hiểm quân đội (MIC)	879,375
<b>Tổng cộng</b>		<b>1,794,375</b>

## II. Cơ cấu vốn tự có

### 1. Nội dung định tính

Tại thời điểm lập báo cáo, MB không phát sinh công cụ vốn chủ sở hữu có tính chất nợ.

### 2. Nội dung định lượng

**Biểu 1 – Cơ cấu vốn tự có**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất	Riêng lẻ
<b>Vốn tự có</b>	<b>126,802,913</b>	<b>118,817,208</b>
- Vốn cấp 1	108,711,728	106,589,538
- Vốn cấp 2	23,590,979	19,754,572
- Các khoản giảm trừ khác khi tính vốn tự có	5,499,794	7,526,902

## III. Tỷ lệ an toàn vốn

### 1. Nội dung định tính

#### - Quy trình tính toán tỷ lệ an toàn vốn

Trong năm 2024, MB đã rà soát, điều chỉnh quy trình quản lý tỷ lệ an toàn vốn đảm bảo phù hợp với Thông tư 22/2023/TT-NHNN ngày 29/12/2023 của NHNN, hiệu lực từ ngày 01/07/2024. Các nội dung trọng yếu được nêu trong quy trình như: Cụ thể hóa quy trình tính toán từ khâu chuẩn bị, nhập dữ liệu đến khâu tính toán, tổng hợp thông tin liên quan tới kết quả tính toán tỷ lệ an toàn vốn; Phân tách rõ ràng trách nhiệm của các đơn vị có liên quan tham gia vào hoạt động tính toán, quản lý tỷ lệ an toàn vốn đảm bảo chủ động quản lý tỷ lệ an toàn vốn tuân thủ quy định và phù hợp với mục tiêu của MB.

#### - Đối với kế hoạch vốn để đảm bảo duy trì tỷ lệ an toàn vốn

MB đã văn bản hóa các quy định liên quan tới hoạt động quản lý vốn nhằm thống nhất nguyên tắc quản lý vốn. Đồng thời, hàng năm hoặc khi cần thiết, MB xây dựng kế hoạch vốn phù hợp với dự phóng tỷ lệ an toàn vốn, đặc điểm của các nhóm tài sản có rủi ro theo từng loại rủi ro, ngành, sản phẩm, phân khúc khách hàng làm cơ sở xây dựng kế hoạch, chiến lược hoạt động từng giai đoạn.

## 2. Nội dung định lượng

**Biểu 2 – Tài sản có rủi ro theo từng loại rủi ro và Tỷ lệ an toàn vốn**

Đơn vị: Triệu đồng, %

Chỉ tiêu	Hợp nhất	Riêng lẻ
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng	956,434,796	909,273,126
Tài sản tính theo rủi ro tín dụng đối tác	2,742,511	2,742,765
Vốn yêu cầu đối với rủi ro hoạt động	8,539,171	7,169,833
Vốn yêu cầu đối với rủi ro thị trường	968,679	857,772
<b>Tổng giá trị tài sản có rủi ro</b>	<b>1,078,025,440</b>	<b>1,012,360,947</b>
<b>Tỷ lệ vốn cấp 1 (%)</b>	<b>10.08%</b>	<b>10.53%</b>
<b>Tỷ lệ an toàn vốn (%)</b>	<b>11.76%</b>	<b>11.74%</b>

### IV. Rủi ro Tín dụng

#### 1. Nội dung định tính

##### (1) Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng

- MB đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định liên quan đến hoạt động cấp tín dụng, quản lý rủi ro tín dụng bao gồm: Chiến lược quản lý rủi ro tín dụng– được tích hợp ban hành trong Chính sách QLRR chung cấp HĐQT, Quy định hạn mức rủi ro tín dụng, Quy định về hoạt động phê duyệt tín dụng, Quy định về biện pháp bảo đảm, Quy trình tín dụng, ... đảm bảo 05 nguyên tắc chính: *Nguyên tắc tuân thủ; Nguyên tắc minh bạch, khách quan; Nguyên tắc quản trị hiệu quả; Nguyên tắc phân định trách nhiệm; Nguyên tắc phân tán rủi ro.* Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro tín dụng: được tổ chức và phân định chức năng theo mô hình 03 vòng (tuyến) bảo vệ đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả và không phát sinh xung đột về lợi ích.
- MB tăng cường nhận diện rủi ro tập trung và có biện pháp quản lý hiệu quả để phân tán rủi ro, giảm thiểu các nguy cơ phát sinh, ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng, thanh khoản, thu nhập và các hoạt động cốt lõi của MB và Tập đoàn. Trong đó, chú trọng thiết lập các hạn mức rủi ro và xây dựng cơ cấu danh mục phù hợp, hướng đến đa dạng hóa tín dụng theo ngành nghề, sản phẩm, khu vực địa lý, ... và kiểm soát chặt chẽ quy mô cấp tín dụng với một Khách hàng và người có liên quan theo quy định Pháp luật đảm bảo tăng trưởng tín dụng an toàn, bền vững.
- Giám sát của quản lý cấp cao gồm: Hội đồng quản trị (bao gồm các Ủy ban tham mưu/hỗ trợ), Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc (bao gồm các Hội đồng tham mưu/hỗ trợ).
  - Hội đồng quản trị (HĐQT): ban hành chính sách, chiến lược, khẩu vị và các văn bản khác thuộc cấp HĐQT về quản lý rủi ro tín dụng; Chỉ đạo kiểm tra, giám sát TGD về công tác QLRR tín dụng; Xây dựng văn hóa QLRR tín dụng trong ngân hàng; ... với sự tham mưu, giúp việc của Ủy ban Quản lý rủi ro.
  - Ban Kiểm soát (BKS): khuyến nghị HĐQT về hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro tín dụng thông qua chỉ đạo, giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ.
  - Tổng Giám đốc (TGD): tổ chức triển khai chiến lược, chính sách, quy định, ... của HĐQT về công tác QLRR tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật, phù hợp với định hướng của HĐQT và khẩu vị rủi ro của MB, như: Ban hành các quy định, quy trình, hướng dẫn, ... triển khai các yêu cầu quản lý rủi ro tín dụng (Xây dựng, giám sát hạn mức rủi ro tín dụng; Xây dựng, kiểm định hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ; Nhận diện, đo lường rủi ro, cảnh báo sớm rủi ro hiệu quả, kịp thời thông qua các công cụ; Triển khai văn hóa QLRR tín dụng; ... với sự giúp việc của Hội đồng rủi ro, ...
- Tuyến bảo vệ thứ 01, bao gồm các đơn vị có chức năng: kinh doanh, vận hành & hỗ trợ, thẩm định, phê duyệt, kiểm tra - kiểm soát nội bộ.
- Tuyến bảo vệ thứ 02, bao gồm các đơn vị có chức năng: quản lý rủi ro, kiểm soát tài chính, thanh tra-

điều tra nội bộ, tuân thủ - pháp chế.

- Tuyển bảo vệ thứ 03, là đơn vị độc lập thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ.
- Hệ thống công cụ nhận diện, đo lường, cảnh báo sớm rủi ro:
  - Xếp hạng tín dụng nội bộ: MB triển khai xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo mô hình xác suất vỡ nợ của từng phân khúc khách hàng giúp MB định hướng khách hàng mục tiêu, sản phẩm, quy trình phù hợp ngay từ khi khách hàng bắt đầu giao dịch với MB giúp các mục tiêu kinh doanh được tổ chức với tính chủ động cao về quản lý hành vi khách hàng, quản trị rủi ro song hành hiệu quả với kinh doanh;
  - Đồng thời, bộ chỉ tiêu nhận diện, cảnh báo sớm rủi ro khách hàng cũng được xây dựng giúp các biện pháp xử lý, thu hồi nợ được thực hiện sớm, giảm thiểu rủi ro cho MB.
- Quy trình quản lý rủi ro tín dụng: bao gồm 04 bước chính (1) *Nhận dạng rủi ro*, (2) *Đo lường rủi ro*, (3) *Theo dõi rủi ro*, (4) *Kiểm soát rủi ro* liên tục được vận hành, báo cáo cấp có thẩm quyền để có quyết định xử lý thông tin rủi ro kịp thời, hiệu quả.
- MB đã ban hành quy định về quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, phù hợp với định hướng Tín dụng xanh, Tài chính xanh. Trong cơ cấu tín dụng, MB cũng chú trọng hơn tới yếu tố phát triển bền vững, đặc biệt là các lĩnh vực xanh như: Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và xử lý chất thải, phòng chống ô nhiễm. Theo đó “bảo vệ môi trường” sẽ là 1 tiêu chí xét duyệt khi cấp tín dụng.

**(2) Danh sách các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm độc lập được sử dụng khi tính tỷ lệ an toàn vốn**

MB sử dụng kết quả xếp hạng tín nhiệm độc lập của các tổ chức: Moody's, S&P và Fitch Ratings.

**(3) Danh mục các tài sản bảo đảm, bảo lãnh của bên thứ ba, bù trừ số dư nội bảng và sản phẩm phái sinh tín dụng (nếu có) đủ điều kiện để ghi nhận giảm thiểu rủi ro tín dụng:**

- Tiền mặt, giấy tờ có giá, thẻ tiết kiệm, vàng;
- Tiền gửi, tiền gửi ký quỹ tại MB;
- Tiền gửi tại TCTD khác trên cơ sở ký thỏa thuận 3 bên;
- Giấy tờ có giá do Chính Phủ phát hành/bảo lãnh phát hành;
- GTCG do MB hoặc TCTD khác phát hành;
- Loại tài sản bảo đảm khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**2. Nội dung định lượng**

**Biểu 3 – Tổng Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng**

(Theo xếp hạng tín nhiệm)

Đơn vị: Triệu đồng

Tổ chức tín dụng trong nước		HSRR (%)	Hợp nhất	Riêng lẻ
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu từ 3 tháng trở lên	Từ AAA đến AA-	20	0	0
	Từ A+ đến BBB-	50	0	0
	Từ BB+ đến BB-	80	63,375,204	60,505,421
	Từ B+ đến B-	100	21,655,948	20,671,008
	Dưới B- và không có XH	150	2,553,588	2,553,588
Khoản phải đòi có thời hạn ban đầu dưới 3 tháng	Từ AAA đến AA-	10	0	0
	Từ A+ đến BBB-	20	0	0
	Từ BB+ đến BB-	40	8,407,175	8,113,619

	Từ B+ đến B-	50	5,090,573	7,904,754
	Dưới B- và không có XH	70	5,289,815	4,414,981
	<b>Tổng</b>		<b>106,372,303</b>	<b>104,163,372</b>
<b>Tổ chức tài chính nước ngoài (bao gồm tổ chức tín dụng nước ngoài)</b>	<b>HSRR (%)</b>		<b>Hợp nhất</b>	<b>Riêng lẻ</b>
Từ AAA đến AA-	20		288,657	288,652
Từ A+ đến BBB-	50		1,473,101	1,465,822
Từ BB+ đến B-	100		67	0
Dưới B- và không có xếp hạng	150		899,978	2,886,165
<b>Tổng</b>			<b>2,661,803</b>	<b>4,640,640</b>
<b>Tổ chức khác (*)</b>	<b>HSRR (%)</b>		<b>Hợp nhất</b>	<b>Riêng lẻ</b>
Tổ chức khác			1,922,872	1,922,757
<b>Tổng</b>			<b>1,922,872</b>	<b>1,922,757</b>

(\*): Tổ chức khác là các công ty bảo hiểm, chứng khoán là định chế tài chính nhưng không thuộc nhóm Tổ chức tín dụng trong nước.

**Biểu 4 - Tổng Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng và rủi ro tín dụng đối tác**  
(Theo đối tượng có hệ số rủi ro)

Đơn vị: Triệu đồng

Loại tài sản	Hợp nhất	Riêng lẻ
Khoản phải đòi Chính phủ	-	-
Định chế tài chính	113,488,975	113,259,020
Khoản phải đòi KHDN	565,321,566	563,488,091
Khoản phải đòi KHCN	238,823,044	205,474,007
Nợ xấu	11,889,851	10,142,148
TS khác	29,653,873	19,652,625
<b>Tổng</b>	<b>959,177,308</b>	<b>912,015,891</b>

**Biểu 5 - Tổng Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng**  
(Theo ngành)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành kinh tế	Hợp nhất	Riêng lẻ
1	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	196,620,657	196,620,657
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	127,793,257	127,793,257
3	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	117,502,050	117,502,050
4	Hoạt động kinh doanh bất động sản	87,620,694	87,620,694
5	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	81,370,992	81,370,992
6	Xây dựng	65,514,246	65,514,246
7	Vận tải kho bãi	28,892,511	28,892,511

STT	Ngành kinh tế	Hợp nhất	Riêng lẻ
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	19,821,533	19,821,533
9	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	9,251,198	9,251,198
10	Ngành khác	192,393,783	155,233,360
<b>Tổng</b>		<b>926,780,924</b>	<b>889,620,501</b>

- Tài sản tính theo rủi ro tín dụng (bao gồm cả nội bảng và ngoại bảng) được giảm thiểu rủi ro tín dụng (giá trị trước và sau khi giảm thiểu) theo các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng:

**Biểu 6 - Tài sản có tính theo rủi ro tín dụng trước và sau giảm thiểu**

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Biện pháp giảm thiểu					
	TSCR trước giảm thiểu	Tài sản đảm bảo	Bù trừ số dư nội bảng	Bảo lãnh của bên thứ 3	Phái sinh tín dụng	TSCR sau giảm thiểu
Hợp nhất	984,838,428	49,200,090	24,557,742	-	-	926,780,924
Riêng lẻ	947,678,005	49,200,090	24,557,742	-	-	889,620,501

## V. Rủi ro Hoạt động

### 1. Nội dung định tính

#### (1) Chiến lược quản lý rủi ro hoạt động

- MB đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chính sách áp dụng cho rủi ro hoạt động theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, đảm bảo nguyên tắc quản trị rủi ro và khẩu vị rủi ro của MB, **như quy chế quản lý rủi ro hoạt động**, quy chế quản lý kinh doanh liên tục, **quy trình quản lý rủi ro hoạt động, quy định xử lý các trường hợp khẩn cấp, ...**
- Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro hoạt động: Được tổ chức và phân định chức năng theo mô hình 03 vòng (tuyến) bảo vệ đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả và không phát sinh xung đột về lợi ích. Tuyến 1 bao gồm nhóm chức năng kinh doanh/vận hành/hỗ trợ, nhân sự, công nghệ thông tin, kiểm soát nội bộ; Tuyến 2 bao gồm nhóm chức năng quản lý rủi ro, tuân thủ, thanh tra, tài chính; Tuyến 3 là hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Vai trò, trách nhiệm của các cấp trong quản lý rủi ro hoạt động được quy định rõ ràng đảm bảo vai trò giám sát của quản lý cấp cao (HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc) tới mọi mặt của hoạt động quản lý rủi ro hoạt động, với sự tham mưu, giúp việc tích cực của các Ủy ban, Hội đồng.
- Công cụ quản lý rủi ro hoạt động được thiết lập đảm bảo đo lường, theo dõi rủi ro hoạt động, lượng hóa tổn thất: Thu thập dữ liệu tổn thất bên trong và bên ngoài (LDC); Tự đánh giá rủi ro và các chốt kiểm soát (RCSA); Các giới hạn, hạn mức rủi ro hoạt động; Các chỉ số rủi ro chính (KRIs); ...
- Quy trình quản lý rủi ro hoạt động: bao gồm 04 bước chính (1) Nhận dạng rủi ro, (2) Đo lường rủi ro, (3) Kiểm soát rủi ro, (4) Theo dõi rủi ro. Trong quá trình thực hiện các bước của quy trình, thông tin báo cáo được truyền tải liên tục tới HĐQT/TGĐ và các đơn vị có liên quan trong Ngân hàng.
- Quản lý rủi ro hoạt động đối với lĩnh vực đặc thù được tổ chức đảm bảo khả năng chủ động kiểm soát, hạn chế rủi ro tại MB:
  - Quản lý rủi ro công nghệ thông tin: Thiết lập một cơ chế quản lý toàn diện các rủi ro khi thực hiện hoạt động liên quan đến hệ thống CNTT, góp phần bảo đảm đạt được các mục tiêu CNTT của tổ chức: (i) bảo đảm phục vụ đúng chiến lược của tổ chức, (ii) hoạt động ổn định, chính xác, bảo đảm an ninh an toàn hệ thống và hiệu quả về nguồn lực đầu tư, (iii) tuân thủ pháp luật và thông lệ ngành (nếu có).
  - Quản lý rủi ro gian lận: Thiết lập khung quản lý rủi ro gian lận toàn diện theo tiêu chuẩn Coso, ứng dụng các công cụ/ hệ thống phân tích dữ liệu lớn, kết hợp giữa rule base và mô hình máy học, giữa giám sát realtime, near realtime và batch để tăng tính chính xác, kịp thời, toàn diện của



cảnh báo nhằm phát hiện sớm hành vi gian lận trên đa dạng các mảng hoạt động Ngân hàng, giúp đảm bảo an toàn cho giao dịch của khách hàng và ngân hàng, ngăn ngừa không để phát sinh các sự kiện rủi ro gian lận nội bộ, đảm bảo Ngân hàng có một môi trường hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả; hạn chế đến mức thấp nhất các sự kiện rủi ro gian lận bên ngoài có thể phát sinh, giảm thiểu tối đa thiệt hại về uy tín, tài chính.

- Quản lý rủi ro thuê ngoài: Giúp bảo đảm kiểm soát rủi ro cũng như chất lượng của sản phẩm/dịch vụ cung cấp tới Khách hàng, giảm thiểu sự ảnh hưởng của các rủi ro hoạt động thuê ngoài có thể gây ra cho hoạt động kinh doanh của MB..
- Quản lý kinh doanh liên tục (BCM): Giúp bảo đảm tính liên tục trong việc cung cấp sản phẩm dịch vụ tới Khách hàng, giảm thiểu sự ảnh hưởng của các sự cố lớn gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của MB; giảm thiểu tổn thất tài chính, giữ vững thương hiệu và hình ảnh của MB

## (2) Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục

MB đã thực hiện xây dựng các nguyên tắc chung về tổ chức và quản lý kinh doanh liên tục đảm bảo tính chất thông suốt trong hoạt động kinh doanh, MB đã chủ động thực hiện: (i) Ban hành quy định xử lý các trường hợp khẩn cấp để sẵn sàng các phương án xử lý khi phát sinh rủi ro, đảm bảo uy tín và an toàn của MB; (ii) Ban hành quy định Phòng chống khủng bố và phân công xây dựng phương án bảo vệ các hạng mục trọng yếu của Ngân hàng để phòng ngừa và ứng phó nếu khủng bố xảy ra; (iii) Ban hành quy chế Quản lý kinh doanh liên tục để dự phòng các phương án cung cấp các hoạt động kinh doanh trọng yếu (sản phẩm/dịch vụ) cho Khách hàng ở mức độ nhất định trong trường hợp xảy ra sự cố gián đoạn; (iv) Xây dựng hệ thống dự phòng thảm họa DRP (Disaster Recover Plan) cho các hệ thống công nghệ thông tin quan trọng như core banking, thanh toán, eMB,... và tổ chức diễn tập hàng năm để phòng ngừa rủi ro gián đoạn và đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kinh doanh; (v) Xây dựng phương án phòng chống bão lũ, hỏa hoạn tại các trụ sở của chi nhánh và tổ chức diễn tập hàng năm nhằm chuẩn bị sẵn sàng đối phó nếu rủi ro phát sinh thực tế.

## 2. Nội dung định lượng

**Biểu 7 – Tài sản có rủi ro và vốn yêu cầu cho rủi ro hoạt động**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Cấu phần	Hợp nhất		Riêng lẻ	
		TSCRR	Vốn yêu cầu	TSCRR	Vốn yêu cầu
1	Cấu phần IC	70,874,808	5,669,985	59,597,359	4,767,789
2	Cấu phần SC	28,388,270	2,271,062	22,197,051	1,775,764
3	Cấu phần FC	7,476,562	598,125	7,828,500	626,280
<b>Tổng</b>		<b>106,739,640</b>	<b>8,539,171</b>	<b>89,622,910</b>	<b>7,169,833</b>

## VI. Rủi ro thị trường

### 1. Nội dung định tính

#### (1) Chiến lược quản lý rủi ro Thị trường

- MB đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản chính sách áp dụng cho rủi ro thị trường (RRTT) dựa theo yêu cầu của Thông tư 13/2018/TT-NHNN, trong đó nội dung của chiến lược quản lý rủi ro thị trường đảm bảo nguyên tắc quản trị rủi ro và khẩu vị rủi ro của MB, như quy chế QLRR thị trường, quy định hạn mức rủi ro thị trường, quy định đo lường rủi ro thị trường, quy trình quản lý rủi ro thị trường, ...
- Cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro thị trường: Được tổ chức và phân định chức năng theo mô hình 03 vòng (tuyến) bảo vệ đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả và không phát sinh xung đột về lợi ích. Tuyến bảo vệ thứ 01 bao gồm các đơn vị có chức năng kinh doanh, vận hành; Tuyến bảo vệ thứ 02 bao gồm các đơn vị có chức năng quản lý rủi ro, tuân thủ và kiểm soát tài chính; Tuyến bảo vệ thứ 03 đơn vị thực

hiện chức năng kiểm toán nội bộ.

- Vai trò, trách nhiệm của các cấp trong quản lý rủi ro thị trường được quy định rõ ràng đảm bảo vai trò giám sát của quản lý cấp cao (HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc) tới mọi mặt của hoạt động quản lý rủi ro thị trường, với sự tham mưu, giúp việc tích cực của các Ủy ban, Hội đồng.
- Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường tại MB
  - Đảm bảo MB tuân thủ quy định pháp luật và tiệm cận thông lệ Quốc tế.
  - Kiểm soát RRTT nằm trong các ngưỡng giới hạn RRTT được Ban lãnh đạo phê duyệt.
  - Văn hóa QLRRTT được triển khai sâu, rộng trên toàn hệ thống, giúp các đơn vị nhận thức sâu sắc và đầy đủ về trách nhiệm chủ động QLRRTT, cách thức triển khai công tác QLRRTT tại MB.
  - Nhận dạng sớm các RRTT tiềm ẩn trong Ngân hàng, từ đó đưa ra các biện pháp kiểm soát phù hợp, hiệu quả, giúp phòng ngừa rủi ro phát sinh.
  - Triển khai nhanh, hiệu quả các biện pháp xử lý, kế hoạch hành động nhằm hạn chế tối đa tổn thất tài chính cho ngân hàng.
- Hoạt động QLRRTT gắn với việc kiểm soát trạng thái rủi ro trên Sổ kinh doanh, MB xây dựng hệ thống chính sách, quy trình, quy định và các hướng dẫn toàn diện việc quản lý rủi ro. Hệ thống hạn mức rủi ro thị trường được thiết lập đầy đủ theo tiêu chuẩn quốc tế gồm:
  - Hạn mức trạng thái mở (NOP);
  - Hạn mức cắt lỗ (Stop – loss);
  - Hạn mức độ nhảy (PV01 – delta, gamma, vega);
  - Hạn mức VaR.
- Quy trình quản lý rủi ro thị trường thực hiện khép kín qua 04 bước chính (1) Nhận dạng rủi ro, (2) Đo lường rủi ro, (3) Theo dõi rủi ro, (4) Kiểm soát rủi ro. Trong quá trình thực hiện các bước của quy trình, thông tin báo cáo được truyền tải liên tục tới HĐQT/TGD và các đơn vị có liên quan trong Ngân hàng.

## **(2) Chiến lược tự doanh**

- Hoạt động tự doanh: gồm các giao dịch mua, bán, trao đổi theo quy định của pháp luật với mục đích mua, bán, trao đổi trong thời hạn dưới một năm để thu lợi từ chênh lệch giá thị trường cho ngân hàng đối với các công cụ tài chính (bao gồm các công cụ tài chính trên thị trường tiền tệ, các loại tiền tệ giấy tờ có giá trên thị trường vốn, các sản phẩm phái sinh và các công cụ tài chính khác được giao dịch trên thị trường chính thức).
- Công cụ tài chính cho hoạt động tự doanh, gồm: (i) các công cụ tài chính trên thị trường tiền tệ (vd: tín phiếu, kỳ phiếu...), (ii) giấy tờ có giá trên thị trường vốn (vd: chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu...), (iii) các sản phẩm phái sinh (vd: sản phẩm quyền chọn, kỳ hạn, cấu trúc...), (iv) các công cụ tài chính khác được giao dịch trên thị trường chính thức (vd: các sản phẩm tiền tệ giao ngay).
- Các loại tiền tệ thực hiện giao dịch tự doanh: tập trung vào các loại tiền, gồm có VND, USD, EUR, JPY, AUD, SGD, CAD, GBP.
- Hoạt động quản lý rủi ro cho hoạt động tự doanh: MB kết hợp đồng thời nhiều biện pháp quản lý hoạt động tự doanh, gồm (i) Hệ thống hạn mức rủi ro (vd: hạn mức trạng thái mở, hạn mức lỗ, hạn mức VaR (99%, 1 ngày)...), (ii) Công cụ phòng ngừa rủi ro (vd: options...), (iii) Đa dạng hóa danh mục.

## **(3) Danh mục thuộc sổ kinh doanh: Danh mục sổ kinh doanh của MB hiện có:**

- Giao dịch tự doanh trừ các giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro cho các khoản mục của Bảng cân đối tài sản của Ngân hàng đã phân loại vào sổ Ngân hàng.
- Giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro của các giao dịch tự doanh của ngân hàng.
- Giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này.

## **2. Nội dung định lượng**

**Biểu 8 – Vốn yêu cầu cho rủi ro Thị trường**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Hợp nhất		Riêng lẻ	
	TSCRR	Vốn yêu cầu	TSCRR	Vốn yêu cầu
Rủi ro lãi suất	11,453,008	916,241	10,722,146	857,772
Rủi ro ngoại hối	-	-	-	-
Rủi ro giá cổ phiếu	655,484	52,439	-	-
Rủi ro giá hàng hóa	-	-	-	-
Rủi ro giao dịch quyền chọn	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>12,108,492</b>	<b>968,679</b>	<b>10,722,146</b>	<b>857,772</b>





# **Military Commercial Joint Stock Bank - MBBANK**

Pillar 3 Disclosures at 31 December 2024



## I. Scope of Capital Adequacy Ratio (CAR) Calculation

### 1. Qualitative disclosures

At 31/12/2024, MB Bank has eight subsidiaries:

- Two insurance entities are excluded from the consolidated CAR calculation: Military Insurance Corporation (MIC) and MB Ageas Life Insurance Company Limited;
- One bank under mandatory transfer is excluded from the consolidated CAR calculation.

### 2. Quantitative disclosures

The value of investments in subsidiaries that are insurance business entities is excluded from the consolidated CAR calculation:

No.	Item	Value (mil VND)
1	MB Ageas Life	915,000
2	MIC	879,375
<b>Total</b>		<b>1,794,375</b>

## II. Regulatory capital base structure

### 1. Qualitative disclosures

At the reporting date, MB did not have any equity instruments classified as having debt-like characteristics.

### 2. Quantitative disclosures

**Table 01 – Regulatory capital base structure**

Unit: Mil VND

Item	Consolidated	Single
<b>Regulatory Capital</b>	<b>126,802,913</b>	<b>118,817,208</b>
- Tier 1 Capital	108,711,728	106,589,538
- Tier 2 Capital	23,590,979	19,754,572
- Other deductions from capital	5,499,794	7,526,902

## III. Capital Adequacy Ratio

### 1. Qualitative disclosures

#### - Capital adequacy ratio calculation procedure

In 2024, MB reviewed and revised its capital adequacy ratio (CAR) management procedure to ensure alignment with Circular No. 22/2023/TT-NHNN dated 29 December 2023 issued by the State Bank of Vietnam, effective from 1 July 2024. Key points in the process, include:

- Formalizing the calculation workflow (data preparation, computation, data aggregation)
- Clarifying the responsibilities of relevant departments involved in the calculation and management process, enabling proactive CAR management in compliance with regulations and aligned with MB's strategic objectives.

#### - Capital Planning

MB documented the internal regulations on capital management to ensure a consistent and unified approach across the organization. In addition, on an annual basis or as needed, MB develops a capital plan aligned with projected capital adequacy ratios. This plan takes into account the characteristics of risk-weighted asset groups categorized by risk type, industry sector, product category, and customer segment. These factors form the foundation for developing the bank's operational strategies and

business plans for each development phase.

## 2. Quantitative disclosures

**Table 02 – Risk weighted asset by risk type & CAR**

Unit: Mil VND, %

Item	Consolidated	Single
Credit risk weighted asset	956,434,796	909,273,126
Counter party credit risk weighted asset	2,742,511	2,742,765
Capital requirement for operational risk	8,539,171	7,169,833
Capital requirement for market risk	968,679	857,772
<b>Total riskweighted asset</b>	<b>1,078,025,440</b>	<b>1,012,360,947</b>
<b>Tier 1 ratio (%)</b>	<b>10.08%</b>	<b>10.53%</b>
<b>CAR (%)</b>	<b>11.76%</b>	<b>11.74%</b>

## IV. Credit risk

### 1. Qualitative disclosures

#### (1) Credit risk management strategy

- MB issued a comprehensive set of regulatory documents governing credit granting activities and credit risk management, included: the Credit Risk Management Strategy—integrated into the overall Risk Management Policy approved by the Board of Directors—along with regulations on credit risk limits, credit approval processes, collateral management, credit procedures, and more. These policies are built around five core principles: Compliance, Transparency and Objectivity, Effective Governance, Clear Responsibility Segregation, Risk Diversification. The Structure of Credit Risk Management is aligned based on the Three Lines of Defense model, ensuring appropriate functional segregation, operational effectiveness, and the avoidance of conflicts of interest.
- MB strengthens the identification of concentration risk and implements effective risk management measures to diversify exposure and minimize potential adverse impacts on credit quality, liquidity, earnings, and the core business activities of MB and its Group entities. Key focus areas include: Establishing appropriate risk limits, Developing a well-structured and diversified credit portfolio by industry sector, product type, and geographical location, Strictly controlling credit exposure limits to a single customer and related parties in accordance with legal regulations. These efforts aim to ensure safe and sustainable credit growth while enhancing the resilience of the Bank's operations
- Oversight by Senior Management includes the Board of Directors (along with its advisory/supporting committees), the Supervisory Board, and the Chief Executive Officer (CEO) (together with his advisory/supporting councils).
  - Board of Directors (BoD): The BoD is responsible for issuing policies, strategies, risk appetite, and other regulatory documents under its authority related to credit risk management. It provides direction and oversight to the CEO regarding credit risk management activities and plays a key role in fostering a credit risk management culture across the bank. These responsibilities are supported and advised by the Board Risk Management Committee.
  - Supervisory Board: The Supervisory Board provides recommendations to the Board of Directors on the credit risk governance and control framework through its oversight and direction of internal audit activities.

- **Chief Executive Officer (CEO):** The CEO is responsible for organizing and implementing the credit risk management strategy, policies, and regulations as set out by the Board of Directors, ensuring compliance with legal requirements and alignment with the BoD's strategic direction and MB's risk appetite.

Key responsibilities include:

- + Issuing internal regulations, procedures, and guidelines for credit risk management
- + Establishing and monitoring credit risk limits
- + Developing and validating the internal credit rating system
- + Identifying, measuring, and providing early warning of credit risks using appropriate tools
- + Promoting a strong credit risk management culture across the organization

These activities are supported by the Executive Risk Committee

- **First Line of Defense:** Includes units responsible for business operations, support and back-office functions, credit appraisal, credit approval, and internal control.
- **Second Line of Defense:** Includes risk management, compliance control, internal investigation, and finance functions .
- **Third Line of Defense:** internal audit activities
- Risk Identification, Measurement, and Early Warning Systems:
  - **Internal Credit Rating System:** MB has developed an internal credit rating system based on probability of default (PD) models tailored to each customer segment. This system supports MB in identifying target customers, selecting appropriate products, and aligning processes right from the initial engagement with clients. It enables proactive management of customer behavior and effective integration of risk management into business operations.
  - **Risk Indicators and Early Warning Signals:** Meanwhile, MB has established a set of indicators designed to identify and issue early warnings for customer credit risk. These tools facilitate the timely implementation of remedial actions and debt recovery measures, thereby minimizing potential losses and strengthening the Bank's overall risk resilience.
- **Credit Risk Management Process:** MB's credit risk management process is structured around four key steps: (1) Risk Identification, (2) Risk Measurement, (3) Risk Monitoring, (4) Risk Control. This process is operated on a continuous basis, with regular reporting to the appropriate decision-making levels to ensure timely and effective risk mitigation actions.
- MB has issued regulations on managing environmental risks in credit granting activities, aligned with the Bank's orientation toward Green Credit and Sustainable Finance. In its credit portfolio structure, MB places increasing emphasis on sustainability factors, especially in "green" sectors such as renewable energy, clean energy, and waste treatment or pollution prevention. Accordingly, "environmental protection" is incorporated as a credit approval criterion, reinforcing MB's commitment to supporting environmentally responsible and sustainable development initiatives.

**(2) List of External Credit Assessment Institutions (ECAIs) Used for Capital Adequacy Ratio Calculation**

*MB utilizes credit ratings from the following independent credit rating agencies: Moody's, S&P (Standard & Poor's), and Fitch Ratings.*

**(3) List of Eligible Credit Risk Mitigation Instruments including Collateral, Third-Party Guarantees, On-Balance Sheet Netting, and Credit Derivatives (if any):**

- Cash, valuable papers, savings card, and gold

- Deposits and escrow deposit held by MB
- Deposits placed at other financial institutions under tripartite agreements
- Government-issued or government-guaranteed securities
- Valuable papers issued by MB or other financial institutions
- Other types of collateral that comply with legal regulations

## 2. Quantitative disclosures

**Table 03 – Credit risk weighted asset by credit rating**

Unit: Mil VND

Local credit institutions		Riskweight (%)	Consolidated	Single
Original maturity of 3 months or more	AAA : AA-	20	0	0
	A: BBB-	50	0	0
	BB+ : BB-	80	63,375,204	60,505,421
	B+ : B-	100	21,655,948	20,671,008
	Under B- : Unrated	150	2,553,588	2,553,588
Original maturity of less than 3 months	AAA : AA-	10	0	0
	A+ : BBB-	20	0	0
	BB+ : BB-	40	8,407,175	8,113,619
	B+ : B-	50	5,090,573	7,904,754
	Under B- : Unrated	70	5,289,815	4,414,981
<b>Total</b>			<b>106,372,303</b>	<b>104,163,372</b>
Foreign credit institutions (Included foreign financial institutions)		Riskweight (%)	Consolidated	Single
AAA : AA-		20	288,657	288,652
A+ : BBB-		50	1,473,101	1,465,822
BB+ : B-		100	67	0
Under B- : Unrated		150	899,978	2,886,165
<b>Total</b>			<b>2,661,803</b>	<b>4,640,640</b>
Other (*)		Riskweight (%)	Consolidated	Single
Other institutions			1,922,872	1,922,757
<b>Total</b>			<b>1,922,872</b>	<b>1,922,757</b>

(\*) **Other Institutions** refer to insurance companies and securities firms that are classified as financial institutions but do not fall under the category of domestic credit institutions.



**Table 04 – Credit risk weighted Asset & Counter party credit risk weighted asset by type of claims**

Unit: Mil VND

Item	Consolidated	Single
Claims on Sovereigns	-	-
Claims on Financial institutions	113,488,975	113,259,020
Claims on Corporates	565,321,566	563,488,091
Claims on Retails	238,823,044	205,474,007
Non-performing loans	11,889,851	10,142,148
Other assets	29,653,873	19,652,625
<b>Total</b>	<b>959,177,308</b>	<b>912,015,891</b>

**Table 05 – Credit risk weighted asset by industry**

Unit: Mil VND

No.	Industry	Consolidated	Single
1	Wholesale and retail trade; repairing automobiles, motorbikes and other powered vehicles	196,620,657	196,620,657
2	Manufacturing	127,793,257	127,793,257
3	Domestic worker employment, production of goods and services	117,502,050	117,502,050
4	Commercial Real estate activities	87,620,694	87,620,694
5	Production and distribution of electricity, gas, hot water, steam and air conditioning supply	81,370,992	81,370,992
6	Construction	65,514,246	65,514,246
7	Logistic (Transportation and Warehousing)	28,892,511	28,892,511
8	Accommodation & food services	19,821,533	19,821,533
9	Agriculture, forestry & fishing	9,251,198	9,251,198
10	Other	192,393,783	155,233,360
	<b>Total</b>	<b>926,780,924</b>	<b>889,620,501</b>

- Credit Risk-Weighted Assets (Including On-Balance Sheet and Off-Balance Sheet Items) subjected to Credit Risk Mitigation – Values before and after mitigation Measures

**Table 06 - Credit Risk-Weighted Assets subjected to Credit Risk Mitigation**

Unit: Mil VND

Item	Type of mitigation measures					After risk mitigation
	Before risk mitigation	Collateral	On-balance sheet netting	Guarantees	Credit derivative	
Consolidated	984,838,428	49,200,090	24,557,742	-	-	926,780,924
Single	947,678,005	49,200,090	24,557,742	-	-	889,620,501

## V. Operational risk

### 1. Qualitative disclosures

#### (1) Operational risk management strategy

- MB issued a comprehensive set of policies governing operational risk management in compliance with Circular No. 13/2018/TT-NHNN. These documents are designed to align with MB's risk principles and risk appetite, including key document such as: Operational Risk Management Regulations, Business Continuity Management Regulations, Operational Risk Management Procedures, Emergency Response procedures, etc...
- Operational Risk Management Structure: MB's operational risk management structure is organized based on the Three Lines of Defense model, ensuring appropriateness, effectiveness, and the avoidance of conflicts of interest. First Line of Defense: includes business, operations, and support functions, including human resources, information technology, and internal control. Second Line of Defense: Includes risk management, compliance control, internal investigation, and finance functions. Third Line of Defense: internal audit activities
- The roles and responsibilities at each levels in operational risk management are clearly defined to ensure effective oversight by senior management (Board of Directors, Supervisory Board, and Chief Executive Officer) to all aspects of operational risk management, with the active advisory and support of various Committees and Councils.
- Operational risk management tools have been established to enable effective measurement, monitoring, and quantification of operational risk losses. These include: Internal and external loss data collection (LDC), Risk and Control Self-Assessment (RCSA), Operational risk limits and thresholds, Key Risk Indicators (KRIs).
- The operational risk management process consists of four key steps: (1) Risk Identification, (2) Risk Measurement, (3) Risk Control, (4) Risk Monitoring. Throughout the process, reporting flows continuously to the BoD, CEO, and relevant units within the bank.
- Operational risk management for specialized areas is structured to ensure proactive control and effective risk mitigation at MB:
  - Information Technology Risk Management: A comprehensive IT risk management framework has been established to manage risks associated with IT-related activities. This framework supports the achievement of the organization's IT objectives, including: (i) alignment with the organization's strategy, (ii) stable and accurate operation, ensuring system security and safety as well as efficient resource utilization (iii) compliance with legal requirements and industry best practices
  - Fraud Risk Management: MB has established a comprehensive fraud risk management framework aligned with the COSO standards. The Bank leverages advanced tools and big data analytics, combining rule-based method with machine learning models, integrates real-time, near real-time, and batch monitoring mechanisms to enhance the accuracy, timeliness, and coverage of fraud alerts, enabling early detection of fraudulent behaviors across various banking activities. The objective is to safeguard customer and bank transactions, proactively prevent internal fraud incidents, maintain a secure and efficient business environment, and minimize reputational and financial losses stemming from potential external fraud events.
  - Outsourcing Risk Management: Ensuring effective risk control to minimize the impact of outsourcing-related operational risks on MB's business activities.
  - Business Continuity Management (BCM): Ensuring the continuity of product and service

delivery to customers, minimizing the impact of major incidents that could disrupt MB's business operations; reducing financial losses, preserving MB's brand and reputation.

## (2) Business Continuity Plan (BCP)

MB established general principles for organizing and managing business continuity to ensure uninterrupted operations. The Bank has proactively implemented the following measures:

- (i) Issuing emergency response procedures to be activated in the event of risks, ensuring MB's reputation and safety;
- (ii) Issuing Anti-Terrorism protocols and assigning responsibilities to develop protection plans for critical assets of the Bank to prevent and respond to potential terrorist attacks;
- (iii) Issuing BCM regulations to prepare contingency plans for providing critical business activities (products/services) to customers at a certain level in case of operational disruptions;;
- (iv) Establishing the Disaster Recovery Plan (DRP) for critical IT systems such as core banking, payment systems, eMB, etc;
- (v) Establishing flood and fire prevention plans at branch offices and conducting annual drills to ensure readiness in responding to real-world incidents .

## 2. Quantitative disclosures

**Table 07 – Capital requirement for operational risk**

Unit: Mil VND

No.	Item	Consolidated		Single	
		Risk weighted asset	Capital Requirement	Risk weighted asset	Capital Requirement
1	IC	70,874,808	5,669,985	59,597,359	4,767,789
2	SC	28,388,270	2,271,062	22,197,051	1,775,764
3	FC	7,476,562	598,125	7,828,500	626,280
<b>Total</b>		<b>106,739,640</b>	<b>8,539,171</b>	<b>89,622,910</b>	<b>7,169,833</b>

## VI. Market risk

### 1. Qualitative disclosures

#### (1) Market risk management strategy

- MB issued a comprehensive set of policy documents for managing market risk, in compliance with Circular No. 13/2018/TT-NHNN. The market risk management strategy is aligned with MB's risk governance principles and risk appetite, and is detailed in key documents such as: Market Risk Management Regulations, Market Risk Limit Regulations, Market Risk Measurement Regulation, Market Risk Management Procedures.
- Market Risk Management Structure: MB's market risk management structure is organized based on the Three Lines of Defense model, ensuring appropriateness, effectiveness, and the avoidance of conflicts of interest: First Line of Defense: comprises business, operations, and support functions, including human resources, information technology, and internal control. Second Line of Defense: Includes risk management, compliance control, internal investigation, and finance functions. Third Line of Defense: internal audit activities.

- Roles and Responsibilities in Market Risk Management: Roles and responsibilities at each levels are clearly defined to ensure the supervisory role of senior management (Board of Directors, Supervisory Board, and Chief Executive Officer) to all aspects of market risk management, with the active advisory and support of various Committees and Councils.
- **Market Risk Management Objectives at MB**
  - Ensure compliance with applicable legal regulations and alignment with international best practices.
  - Maintain market risk exposures within the approved risk limits as authorized by senior management.
  - Foster a strong market risk management culture across the organization, enabling all units to fully understand and take proactive responsibility in identifying, managing, and mitigating market risk in accordance with MB's framework.
  - Enable early identification of potential market risk exposures within the Bank, facilitating the implementation of appropriate and effective control measures to prevent risk materialization.
  - Ensure rapid and effective response to emerging risks through timely implementation of mitigation measures and action plans, thereby minimizing financial losses to the Bank
- Market risk management at MB is closely tied to the control of risk exposures in the Trading Book. To support this, MB has developed a comprehensive framework comprising policies, procedures, regulations, and detailed guidelines for effective market risk management. A full set of market risk limits has been established in accordance with international standards, including:
  - Net Open Position (NOP) limits
  - Stop-loss limits
  - Sensitivity limits (such as PV01, Delta, Gamma, Vega)
  - Value-at-Risk (VaR) limits
- Market Risk Management Process: The market risk management process follows a closed-loop structure consisting of four main steps: (1) Risk Identification, (2) Risk Measurement, (3) Risk Monitoring, (4) Risk Control. During each stage of the process, risk information is continuously reported to the Board of Directors (BoD), the Chief Executive Officer (CEO), and relevant business units, ensuring timely awareness and effective decision-making across the organization.

## ***(2) Proprietary Trading Strategy***

- Proprietary trading activities consist of buying, selling, and exchanging transactions conducted in accordance with legal regulations, with the objective of profiting from short-term price differences within a period of less than one year. These activities are carried out for the benefit of the bank and involve various financial instruments, including Instruments traded on the money market, Currencies and tradable securities in the capital market, Derivative products, and Other financial instruments traded on official markets.
- Financial Instruments for Proprietary Trading Activities: MB engages in proprietary trading using a range of financial instruments, including: (i) Money market instruments (e.g., treasury bills, promissory notes), (ii) Capital market securities (e.g., certificates of deposit, bonds), (iii) Derivative products (e.g., options, forwards, structured products), (iv) Other financial instruments traded on official markets (e.g., spot foreign exchange products).
- Currencies used in Proprietary Trading: MB's proprietary trading activities focus on major currencies,



including: VND, USD, EUR, JPY, AUD, SGD, CAD, and GBP .

- Risk Management for Proprietary Trading: MB applies a multi-layered approach to manage risks associated with proprietary trading, combining: (i) Risk limit framework (e.g. Net open position (NOP) limits, Stop-loss limits, Value-at-Risk (VaR) limits, 99% confidence level, 1-day holding period), (ii) Hedging instruments, such as options and other derivatives to mitigate market risk, (iii) Portfolio diversification across instruments, currencies, and tenors to reduce concentration risk and enhance resilience against market volatility.

### (3) Trading Book Portfolio

MB's current trading book includes the following components:

- Proprietary trading transactions, excluding derivative transactions used for hedging balance sheet positions that have been classified under the banking book.
- Derivative transactions used to hedge the Bank's proprietary trading activities.
- Foreign exchange and financial asset transactions to meet the needs of customers, counterparties, and transactions to offset these trades.

## 2. Quantitative disclosures

**Table 08 – Capital requirement for market risk**

Unit: Mil VND

Item	Consolidated		Single	
	RWA	Capital Requirement	RWA	Capital Requirement
Interest rate risk	11,453,008	916,241	10,722,146	857,772
FX risk	-	-	-	-
Equity risk	655,484	52,439	-	-
Commodities risk	-	-	-	-
Option risk	-	-	-	-
<b>Total</b>	<b>12,108,492</b>	<b>968,679</b>	<b>10,722,146</b>	<b>857,772</b>

